

KẾT HỢP TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VỚI TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI

NGUYỄN QUỐC PHẨM*

Đã gần 20 năm, Việt Nam tiến hành đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn cần được tổng kết, đánh giá thành tựu, đúc kết kinh nghiệm nhằm tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới. Một trong những vấn đề có ý nghĩa quan trọng là kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Về quá trình đổi mới nhận thức, lý luận

Trước đổi mới, vấn đề quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội chưa được đề cập một cách thỏa đáng trong nhận thức, lý luận. Do chế độ tập trung quan liêu, bao cấp kéo dài, các vấn đề xã hội cũng được kế hoạch hóa và thực hiện qua các chỉ tiêu pháp lệnh như chỉ tiêu tổng biên chế, quỹ lương, tuyển dụng lao động, các chỉ tiêu về kinh phí, vật tư,... cho phát triển sự nghiệp (văn hóa, giáo dục, y tế, v.v...). Quan niệm về công bằng xã hội thường bị đồng nhất với cào bằng bình quân. Quan hệ giữa tiến bộ kinh tế và công bằng xã hội chưa được xem xét một cách khoa học. Khi chuyển sang cơ chế thị trường, mặt trái của cơ chế này tác động mạnh đến các lĩnh vực xã hội, công bằng xã hội đòi hỏi phải có nhận thức mới về tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội.

Đại hội VI của Đảng, lần đầu tiên đưa ra thuật ngữ "chính sách xã hội", đặt đúng vị trí, vai trò của chính sách xã hội: "Chính sách xã hội bao trùm mọi mặt

* PGS. TS. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

của cuộc sống con người: điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hóa, quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc"⁽¹⁾.

Tuy nhiên, phải đến năm 1991, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, được Đại hội VII của Đảng thông qua, vấn đề kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội mới được đặt trong nội dung, phương hướng của chính sách xã hội. Cương lĩnh ghi rõ: "**Chính sách xã hội đúng đắn** vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Phương hướng lớn của chính sách xã hội là: phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ của công dân; kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa đáp ứng các nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài; giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội. Chính sách xã hội bảo đảm và không ngừng nâng cao đời sống vật chất của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất." ⁽²⁾.

Văn kiện Đại hội VII của Đảng đã cụ thể hóa thêm: "Mục tiêu của chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế, đều nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người và vì con người. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân. Coi phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế"⁽³⁾.

Quan niệm về chính sách xã hội của Đảng ta theo nghĩa rộng là một hệ thống chính sách tác động đến con người "nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người và vì con người". Cũng từ đây, chính sách xã hội được xác định ở nhiều lĩnh vực, cụ thể là: những chính sách bảo đảm việc làm đầy đủ, hợp lý cho người lao động và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động; từ kết quả của phát triển kinh tế mà nâng cao điều kiện sinh hoạt vật chất và văn hóa tinh thần cho nhân dân (các chính sách liên quan đến nhu cầu bảo đảm ăn, ở, đi lại, khám và chữa bệnh, phát triển thể dục - thể thao, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho người lao động...); giải quyết đúng, phù hợp về tiền lương và thu nhập đối với người lao động; tổ chức bảo trợ xã hội bao gồm bảo hiểm xã hội đối với người lao động trong và sau quá trình lao động, đối với người có công với cách mạng, cứu trợ xã hội đối với những người gặp hoàn cảnh khó khăn: trẻ mồ côi, người già cô đơn, những người tàn tật, những người bị bệnh xã hội hiểm nghèo...; thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ phát triển dân số; nâng cao trình độ dân trí, xóa mù, phổ cập tiểu học, tiến tới

phổ cập trung học cơ sở, phát triển giáo dục - đào tạo toàn diện; điều tiết các quan hệ xã hội giữa các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tôn giáo,... Cũng cố và tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc (các nội dung này sẽ được giải quyết trong các chính sách giai cấp, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo v.v..).

Tại Đại hội VIII, nhận thức lý luận về kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội được xác định rõ trong 5 quan điểm để hoạch định hệ thống chính sách xã hội:

- Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Công bằng xã hội phải thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình.

- Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội, đi đôi với chính sách điều tiết hợp lý, bảo hộ quyền lợi của người lao động.

- Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo. Thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, về mức sống giữa các vùng, các dân tộc, các tầng lớp dân cư.

- Phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc "uống nước nhớ nguồn", "đền ơn đáp nghĩa", nhân hậu, thủy chung.

- Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hóa. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội⁽⁴⁾.

Từ các quan điểm, định hướng trên, Đảng ta đã chỉ rõ trong những năm trước mắt, phải giải quyết tốt một số vấn đề xã hội như: tập trung giải quyết việc làm; thực hiện xóa đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, bảo hiểm xã hội và các hoạt động nhân đạo, từ thiện; chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể chất của nhân dân; đẩy mạnh công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; đẩy lùi tệ nạn xã hội.

Cũng từ Đại hội VIII, Đảng ta đã tách nội dung "chính sách giải quyết một số vấn đề xã hội" theo nghĩa hẹp của thuật ngữ "chính sách xã hội", bên cạnh các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, tôn giáo,...

Tại Đại hội IX của Đảng, quan điểm về kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội được nêu rõ: "Đường lối kinh tế của Đảng ta là: *đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh*"⁽⁵⁾.

Gắn bó các yếu tố kinh tế - xã hội, đặt nội dung "giải quyết tốt các vấn đề xã hội" trong tổng thể "Đường lối và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội" đã thể hiện một bước phát triển mới trong nhận thức, lý luận của Đảng ta về sự kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội.

Về chính sách xã hội đã được cụ thể hóa thêm: "Thực hiện chính sách xã hội hướng vào phát triển và lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp"⁽⁶⁾.

Một số chính sách được đề cập đến gồm: giải quyết việc làm, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động; cải cách cơ bản chế độ tiền lương của cán bộ, công chức theo hướng tiền tệ hóa đầy đủ tiền lương; thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo; thực hiện các chính sách ưu đãi xã hội và vận động toàn dân tham gia hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn đối với các lão thành cách mạng, những người có công với nước, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh và cha mẹ, vợ con liệt sỹ, những người được hưởng chính sách xã hội; chính sách dân số nhằm chủ động kiểm soát quy mô và nâng cao chất lượng dân số; thực hiện đồng bộ chính sách bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe, chính sách trợ cấp, bảo hiểm y tế cho người nghèo... phát động phong trào toàn dân luyện tập thể dục, thể thao, nâng cao sức khỏe và tầm vóc người Việt Nam; tăng cường công tác phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự, kỷ cương xã hội, ngăn chặn, bài trừ các tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma túy, tiến tới đẩy lùi đại dịch HIV, AIDS; xây dựng lối sống văn minh, lành mạnh.

Thành tựu đạt được từ việc kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong thời kỳ đổi mới

Từ quan điểm cơ bản: "tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển", thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội ở Việt Nam, gần 20 năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã vạch ra hàng loạt các chương trình, mục tiêu quốc gia nhằm giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc (đạy nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động, xóa mù, phổ cập tiểu học, xóa đói giảm nghèo (Chương trình 133), hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn (Chương trình 135), chính sách đối xử với người có công, v.v.). Hàng loạt văn bản luật và dưới luật được thể chế hóa để giải quyết các vấn đề xã hội: xây dựng Luật Lao động, Luật Giáo dục, pháp lệnh nghĩa vụ công ích, Luật Phòng chống ma túy, Luật Di sản văn hóa, pháp lệnh thư viện, pháp lệnh về các lĩnh vực y tế, giáo dục, thể thao, nghị định về đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, cải tiến tiền lương, thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, v.v.. Nhờ vậy nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng trong giải quyết các vấn đề xã hội.

Trước hết là đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt: thu nhập bình quân đầu người nước ta từ 220USD/người/năm trong đầu những năm 90 của thế kỷ XX đã tăng lên 400USD/người/năm (2000), tăng 1,8 lần, 483 USD/người/năm (2003) và 580 USD/người/năm (2004). Theo đánh giá của WB thì tỷ lệ nghèo đói của Việt Nam giữa những năm 80 là 51% giảm xuống 37% cuối những năm 90 của thế kỷ XX, được xếp vào nước có tỷ lệ đói nghèo giảm nhanh. Còn theo chuẩn của Việt Nam thì tỷ lệ hộ nghèo đói ở nước ta từ 30,1% năm 1992 xuống 11% năm 2000 và theo chuẩn mới thì năm 2002 còn 17,2%, đến năm 2004 giảm xuống còn 8,3%. Chỉ riêng ngân sách nhà nước chi cho các chương trình quốc gia liên quan đến mục tiêu xóa đói giảm nghèo đã chiếm trên 21 tỉ đồng. Nguồn quỹ tín dụng giúp hộ nghèo vay vốn lãi suất thấp được mở rộng. Ngân hàng phục vụ người nghèo đến cuối năm 1999 đã huy động được 4.078 tỉ đồng. Tổng dư nợ đạt 3.503 tỉ đồng, đã cho 2.170.000 hộ vay, bình quân mỗi hộ vay 1,56 triệu đồng. Có hàng trăm chương trình, dự án với hơn 40 tỉ đồng giúp hộ nghèo, huyện nghèo, xã nghèo. Theo đánh giá của Liên hợp quốc thì Việt Nam đã giảm được 1/2 tỷ lệ đói nghèo trong thập niên vừa qua. Nước ta đã xây dựng được quỹ trợ cấp thường xuyên và trợ cấp đột xuất. Hàng năm, có từ 1 triệu đến 1,5 triệu người (gồm người già neo đơn, trẻ mồ côi, người tàn tật, trẻ lang thang hoặc các gia đình bị thiên tai) được cứu tế. Riêng năm 1999 và 2000 nhờ quỹ trợ cấp đột xuất, hàng triệu hộ được cứu trợ do bị lũ lụt ở miền Trung và Nam Bộ.

Mức tiêu dùng bình quân tăng từ 2,6 triệu đồng/người/năm (1995) lên 4,3 triệu đồng/người/năm (2001). Việt Nam được công nhận là nước đạt chuẩn xóa mù chữ, phổ cập tiểu học. Đầu tư cho giáo dục trong tổng đầu tư ngân sách năm

2000 là 15% và năm 2003 là trên 16%. Tính đến hết năm 2003, có tới 19 tỉnh, thành phố đạt tiêu chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Về y tế, có 97,5% số xã có trạm y tế, trên 40% cơ sở y tế xã có bác sỹ, có 80% số thôn, bản có nhân viên y tế cộng đồng, 95% trẻ dưới 5 tuổi được tiêm chủng mở rộng. Giảm nhanh tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (đến nay còn 34%). Năm 1996, tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh và trẻ dưới 5 tuổi ngang với Thái Lan là nước có GDP cao hơn nước ta nhiều lần. Tuổi thọ trung bình tăng từ 66 tuổi (1989) lên 68 tuổi (1999) và 69 tuổi (2003). Tỷ lệ sinh giảm 0,8% (kế hoạch đề ra là 0,6%). Tỷ lệ tăng dân số từ 2% đầu thập niên 90 của thế kỷ trước giảm xuống 1,32% năm 2002.

Từ năm 1996 đến nay, có hàng nghìn tỉ đồng của Nhà nước và nhân dân tham gia nhằm giải quyết việc làm. Tỷ lệ thất nghiệp giảm từ 9% - 10% (1990) xuống 6,5% (2000). Trong 3 năm 2001 - 2003, đã giải quyết việc làm cho 4,3 triệu người, trong đó, nông nghiệp 2,6 triệu, công nghiệp 90 vạn và dịch vụ khoảng 76 vạn. Năm 2004, đã tạo việc làm mới cho hơn 1,5 triệu lao động, đạt 103% kế hoạch đề ra, riêng Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm đã giải quyết cho 35 vạn lao động. Chỉ số phát triển người (HDI) của Việt Nam tăng khá so với các nước nghèo và đang phát triển. Theo báo cáo về phát triển người của Liên hợp quốc: năm 1997, HDI của Việt Nam là 0,557 xếp thứ 121/174 nước, năm 1999 là 0,662 xếp thứ 110, năm 2000 xếp thứ 108/174 và năm 2001 xếp thứ 109/175 nước, năm 2003 xếp thứ 101/174 nước.

Với mức tăng trưởng kinh tế của năm 2001 tăng 6,9%, năm 2002 tăng 7,04% và năm 2003 tăng 7,24%, năm 2004 tăng 7,6% và hầu hết chỉ tiêu phát triển xã hội đều đạt hoặc vượt kế hoạch thì càng thấy rằng Việt Nam luôn luôn kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ngay từ đầu và trong suốt quá trình đổi mới, phát triển.

Những thách thức và phương hướng giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc

Bên cạnh những thành tựu vừa nêu trên, Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX (5-1-2004) của Đảng ta cũng chỉ rõ: "... trong phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội vẫn còn nhiều yếu kém, bất cập"⁽⁷⁾, thể hiện trên một số lĩnh vực:

- Sự phát triển của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ vẫn còn nhiều hạn chế, chưa tương xứng với vị trí quốc sách hàng đầu của lĩnh vực này trong giai đoạn mới.

- Nhân tố văn hóa và con người trong phát triển chưa được nhận thức đầy đủ và chưa được coi trọng đúng mức ở nhiều cấp, nhiều ngành, chất lượng các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật chưa cao, còn nhiều biểu hiện sai trái, tiêu cực.

- Công tác xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống của nhân dân, phòng chống các tệ nạn xã hội vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức.

Tiếp tục thực hiện phương châm "tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội", bên cạnh những giải pháp, chủ trương về phát triển kinh tế, Đảng ta tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp làm tốt các việc sau:

- Tập trung chỉ đạo quyết liệt việc nâng cao rõ rệt chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực.

- Đổi mới một cách cơ bản cơ chế quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; lấy chất lượng sản phẩm, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế làm mục tiêu chủ yếu của hoạt động khoa học và công nghệ.

- Tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện cơ chế, chính sách và giải pháp đẩy mạnh việc xây dựng nếp sống, lối sống văn hóa, văn minh; hình thành các giá trị con người mới, giá trị xã hội mới làm cơ sở và động lực cho đất nước phát triển nhanh và bền vững.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách tăng cường chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chống tái nghèo, giảm nghèo bền vững; đẩy mạnh giải quyết việc làm đi đôi với tăng cường năng lực quản lý lao động; thực hiện tốt chính sách đối với người có công và đối tượng chính sách... Phòng chống tệ nạn xã hội phải được coi là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể xã hội, là một trong những chỉ tiêu quan trọng đánh giá sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương, đơn vị và đánh giá năng lực lãnh đạo của cấp ủy và hiệu quả công tác quản lý nhà nước(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên *Tạp chí Cộng sản*, số 18/2005.

¹ *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr 86.

- ². *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 13 - 14.
- ³. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 73.
- ⁴. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 113 - 114.
- ⁵. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 89, 104.
- ⁷. *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr 39.